

Số: 107/2019/QĐST-HNGĐ

Cẩm Lệ, ngày 10 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và
Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử
dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 94/2019/TLST-HNGĐ ngày
11 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những
người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Phan Văn T, sinh năm 1969
- Bà Đồng Thị Thanh H, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: : 26 Đặng Văn Ngữ, tổ 03 phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành
phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn T và bà Đồng Thị Thanh H tự
nguyện kết hôn vào tháng 5 năm 2006 có đăng ký kết hôn tại UBND phường An
Hải Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây
là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông
Phan Văn T và bà Đồng Thị Thanh H sống tại đường Nguyễn Phước Nguyên,
phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung đến
tháng 5 năm 2017 ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan
điểm sống không hợp, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau hay xảy ra to tiếng,
mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả .
Hai vợ chồng đang sống chung một nhà nhưng phần ai nấy sống, không ai quan
tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, ông Phan Văn T và bà Đồng Thị Thanh H đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa ông Phan Văn T và bà Đồng Thị Thanh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Phan Văn T và bà Đồng Thị Thanh H có một con chung Phan Anh K- Sinh ngày 26 tháng 12 năm 2007. Ly hôn, vợ chồng thống nhất thỏa thuận: Bà Đồng Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Phan Anh K- Sinh ngày 26 tháng 12 năm 2007. Ông Phan Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng y)/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6 năm 2019 vào ngày 10 hàng tháng. Ông Phan Văn T và bà Đồng Thị Thanh H tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Ông Phan Văn T và bà Đồng Thị Thanh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Phan Văn T và bà Đồng Thị Thanh H xác định không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phan Văn T và bà Đồng Thị Thanh H. (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52 quyển số 01 ngày 17/5/2006 của UBND phường An Hải Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng)

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn của ông Phan Văn T và bà Đồng Thị Thanh H như sau: Bà Đồng Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Phan Anh K- Sinh ngày 26 tháng 12 năm 2007. Ông Phan Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng y)/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 6 năm 2019 vào ngày 10 hàng tháng.

Kể từ ngày bà Đồng Thị Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phan Văn T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì hàng tháng ông Phan Văn T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: ông Phan Văn T và bà Đồng Thị Thanh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: ông Phan Văn T và bà Đồng Thị Thanh H xác định không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Phan Văn T và bà Đồng Thị Thanh H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0005683 ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Như vậy, ông Phan Văn T và bà Đồng Thị Thanh H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Viện KSND quận Cẩm Lệ;
- UBND P. An Hải Đông, q. Sơn Trà;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Quyên